

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (SGB)

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương

Ngày	12,600 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.2%	-9.0%	3.2%

Tổng thu nhập	
2023	
1,171,58	triệu VNĐ
YoY: ▲ 116,132	11.0%

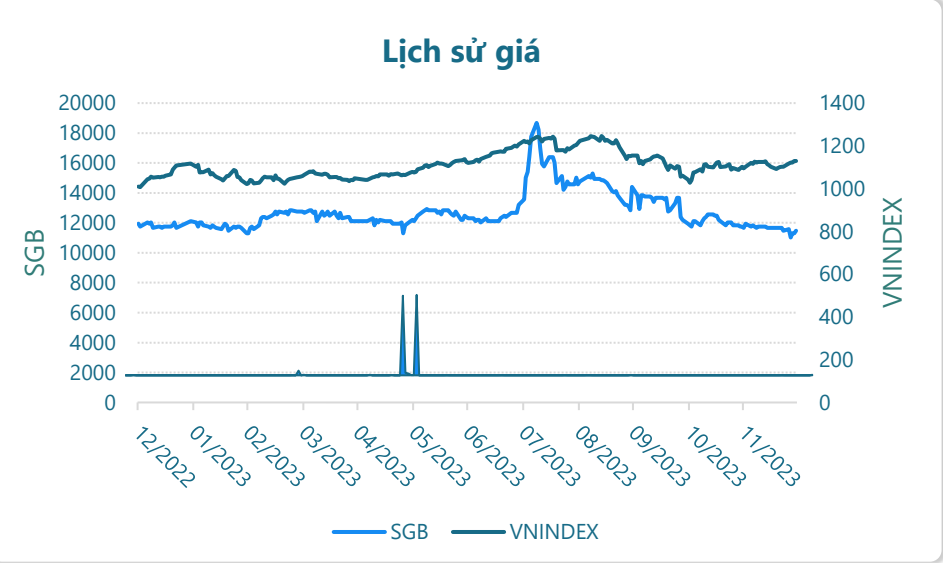
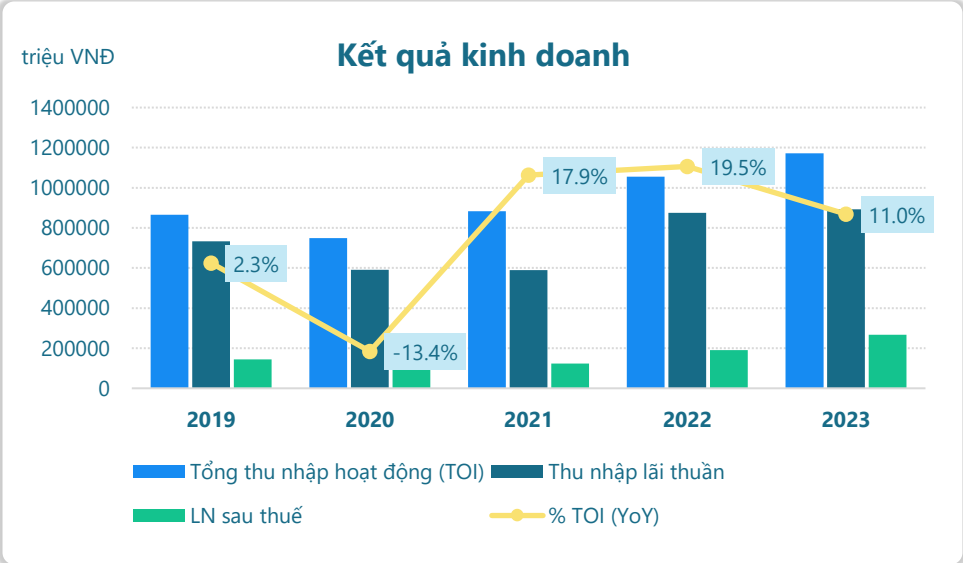
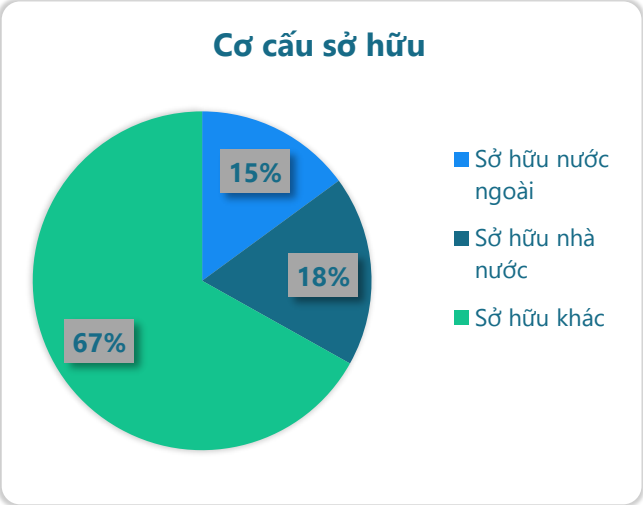
Thu nhập lãi thuần	
2023	
891,944	triệu VNĐ
YoY: ▲ 16,626	1.9%

LN sau thuế	
2023	
266,789	triệu VNĐ
YoY: ▲ 76,800	40.4%

YOEA	
2023	
9.2%	
YoY: +/- ▲ 1.5%	

NIM	
2023	
3.2%	
YoY: +/- ▼ 0.3%	

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,023 - 18,675
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,881
Số lượng CPLH (CP)	308,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,045
Sở hữu nước ngoài	14.9%
Beta	1.84
EPS	866
P/E	14.5

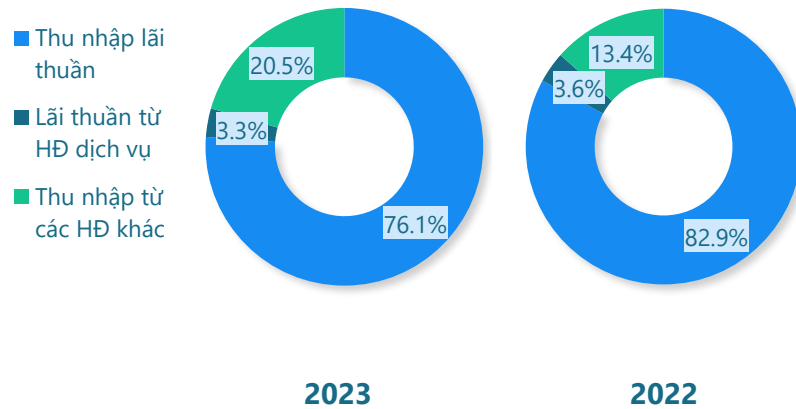


Tổng thu nhập hoạt động của **SGB** năm **2023** **tăng trưởng 11.0%** so với năm trước, đạt **1,171,587** tỷ đồng. Trong đó thu nhập lãi thuần cũng **tăng trưởng 1.90%**, đạt **891,944** tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt **266,789** tỷ đồng **tăng trưởng 40.4%** so với năm trước.

Tỷ suất sinh lợi của Tài sản có sinh lãi (YOEA) **tăng thêm 1.46%** so với năm trước đạt **9.16%**, và cũng **cao hơn** mức **trung bình ngành 8.30%**. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) **giảm đi 0.34%** ở mức **3.23%**, nhưng **thấp hơn** mức NIM trung bình ngành **3.46%**.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương

Thu nhập thuần



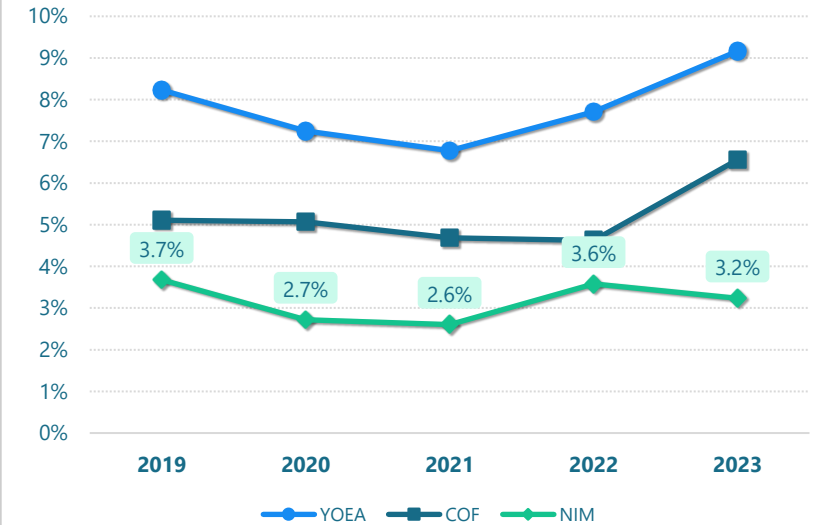
Năm **2023**, **thu nhập từ lãi thuần** của **SGB** chiếm **76.1%** tổng thu nhập và tỷ lệ này **thấp hơn** năm trước (**82.9%**). **Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ** chiếm **3.33%** và **thu nhập từ các hoạt động khác** chiếm **20.5%** tổng thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt **268,905** tỷ đồng, **tăng 7.37%** so với năm trước.

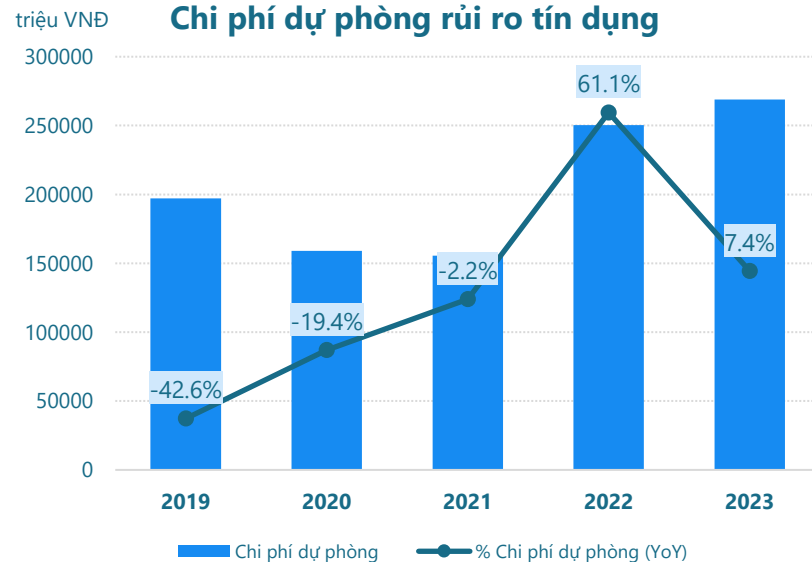
Tỷ lệ chi phí huy động vốn (**COF**) là **6.56%**, **tăng thêm 1.94 đ%** so với năm trước. Cho thấy chi phí huy động vốn của ngân hàng ngày càng đắt đỏ hơn. **COF** của SGB **cao** hơn trung bình ngành (**4.84%**) **1.72 đ%**, là một dấu hiệu tiêu cực cho thấy ngân hàng đang phải trả mức lãi suất cao hơn để huy động nguồn vốn so với các ngân hàng khác.

Chi phí hoạt động của **SGB** năm **2023** là **570,437** tỷ đồng, **tăng 0.43%** so với năm trước. Tuy nhiên, Tỷ số chi phí trên thu nhập (**CIR**) bằng **48.7%** lại **thấp hơn** năm trước **5.13 đ%** cho thấy thu nhập hoạt động đang **tăng** nhanh hơn so với chi phí hoạt động. CIR của SGB **bằng** CIR trung bình ngành (**48.7%**), không phải dấu hiệu xấu nhưng cần cải thiện để nâng cao hiệu quả hoạt

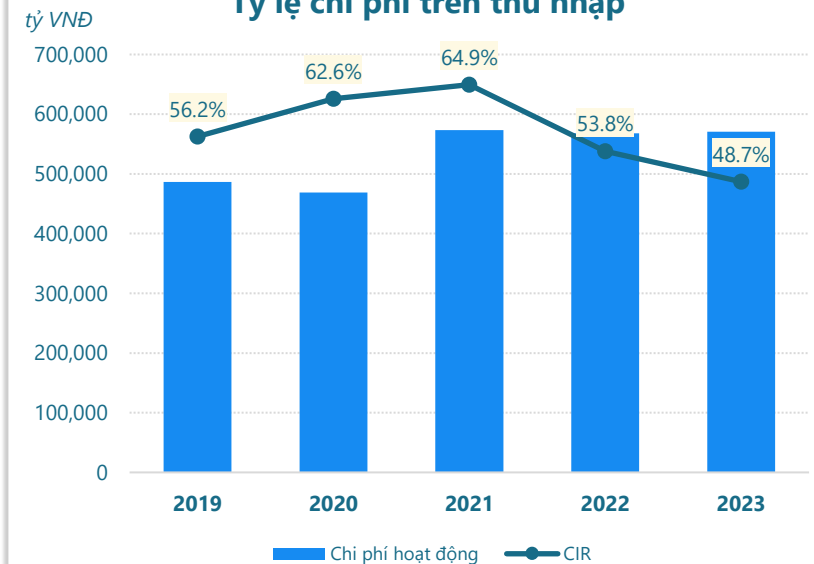
Tỷ suất sinh lợi, Chi phí



Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

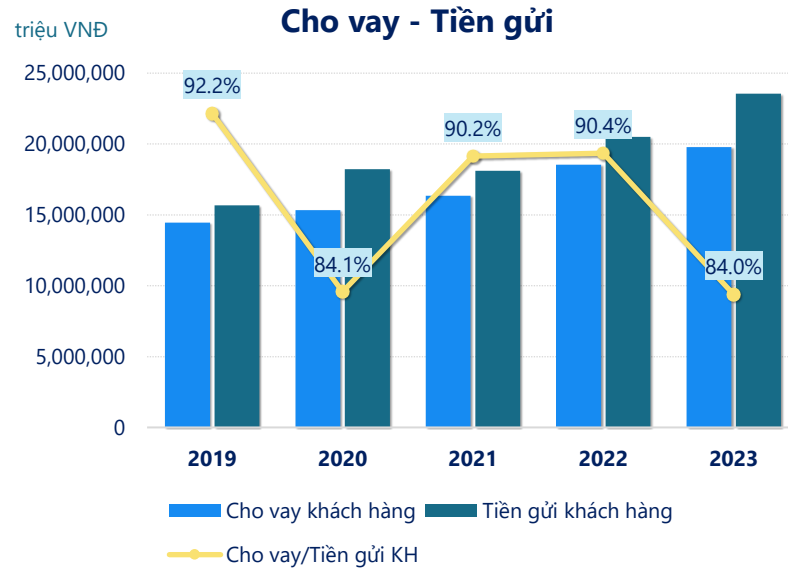


Tỷ lệ chi phí trên thu nhập

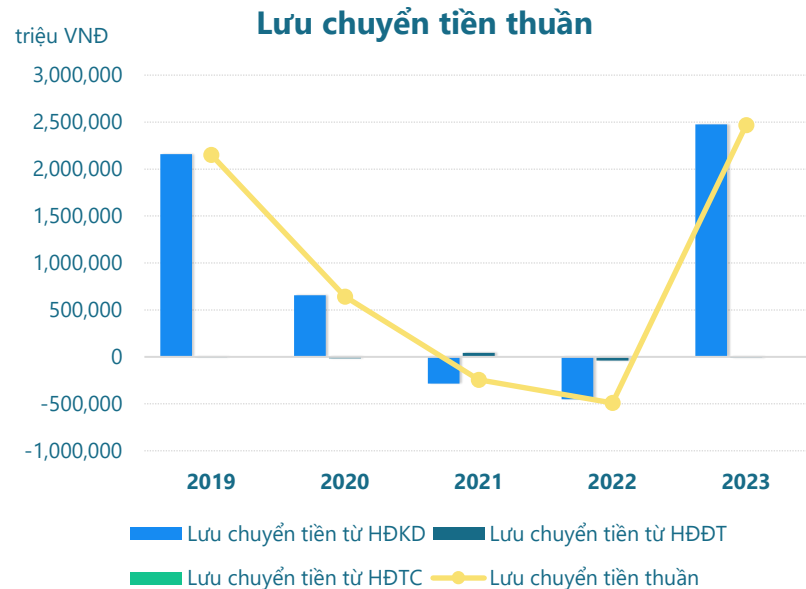


Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương

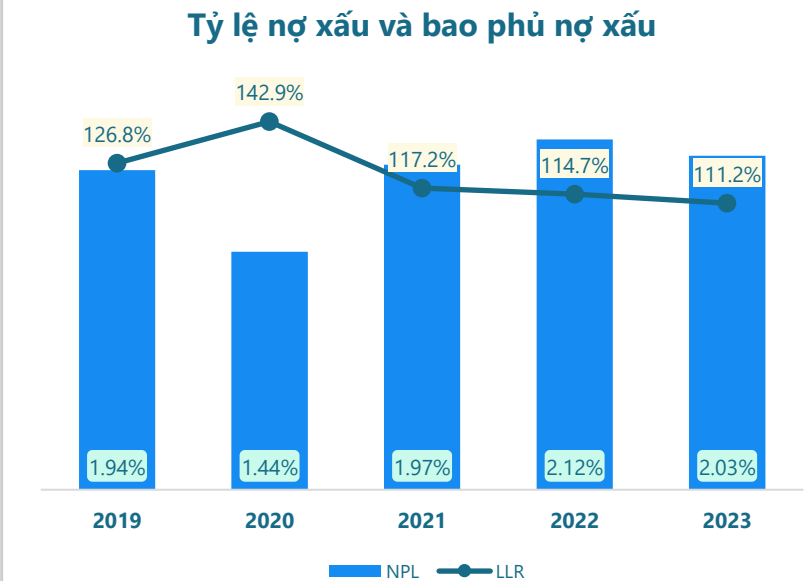
Lưu chuyển tiền thuần năm **2023** của **SGB** dương **2,469,740** tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất là **Lưu chuyển tiền từ HĐKD** chiếm **2,477,067** tỷ đồng. Thể hiện quy mô vốn bằng tiền của ngân hàng đang tăng lên đặc biệt khi dòng tiền dương chủ yếu từ HĐKD.



Tỷ lệ nợ xấu (**NPL**) **giảm xuống 2.03%** cũng như Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (**LLR**) giảm xuống **111%** so với năm trước cho thấy chất lượng tài sản đã được cải thiện nên có thể ngân hàng giảm bớt dự phòng để vẫn đảm bảo vẫn đủ sức khỏe tài chính trước các rủi ro tiềm ẩn.



Năm **2023**, khoản **Cho vay khách hàng** của **SGB** đạt **19,788,825** tỷ đồng, **tăng trưởng 6.81%** so với năm trước. **Tiền gửi khách hàng** đạt **23,556,779** tỷ đồng, **tăng trưởng 14.9%** so với năm trước. **Tỷ lệ cho vay/tiền gửi khách hàng** đạt **84.0%** và thấp hơn so với năm trước, cho thấy ngân hàng đang hoạt động trong ngưỡng an toàn và hoạt động cho vay so với huy động vốn đang giảm dần.



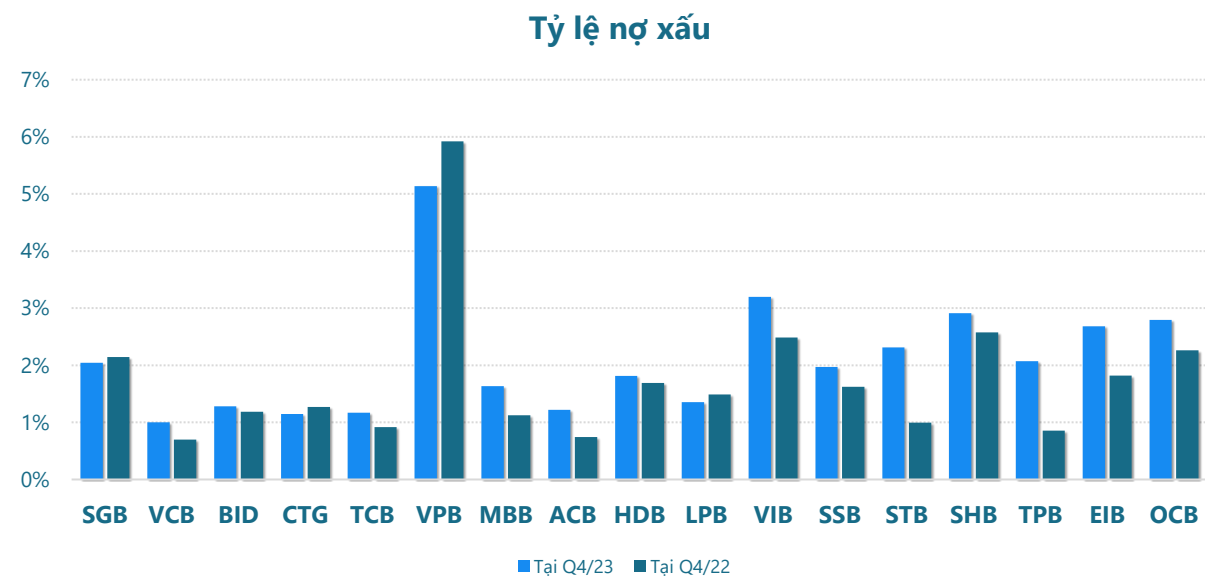
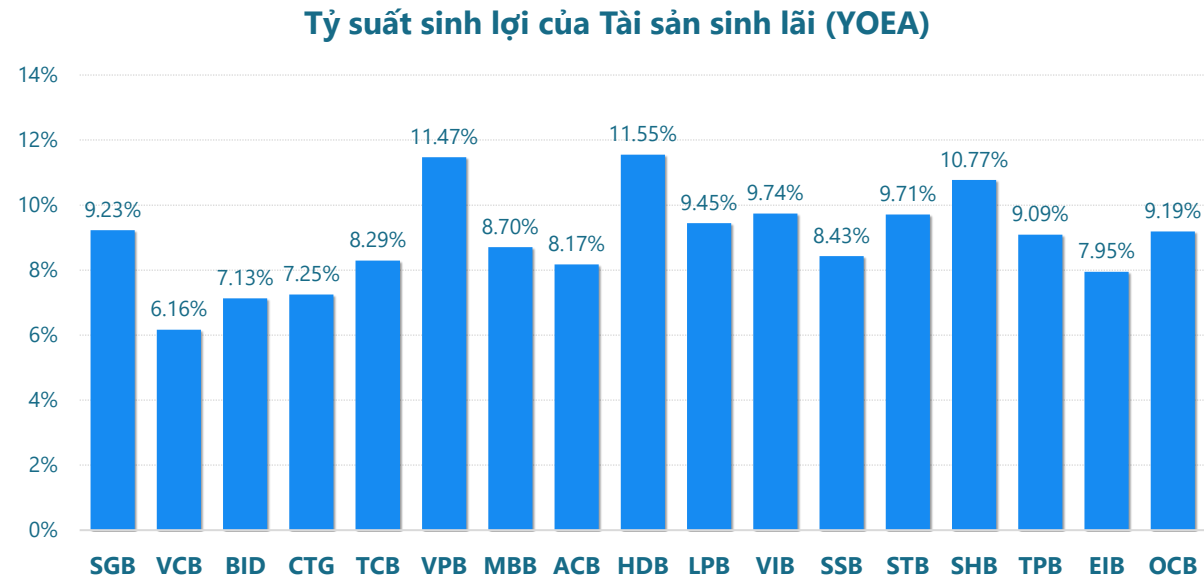
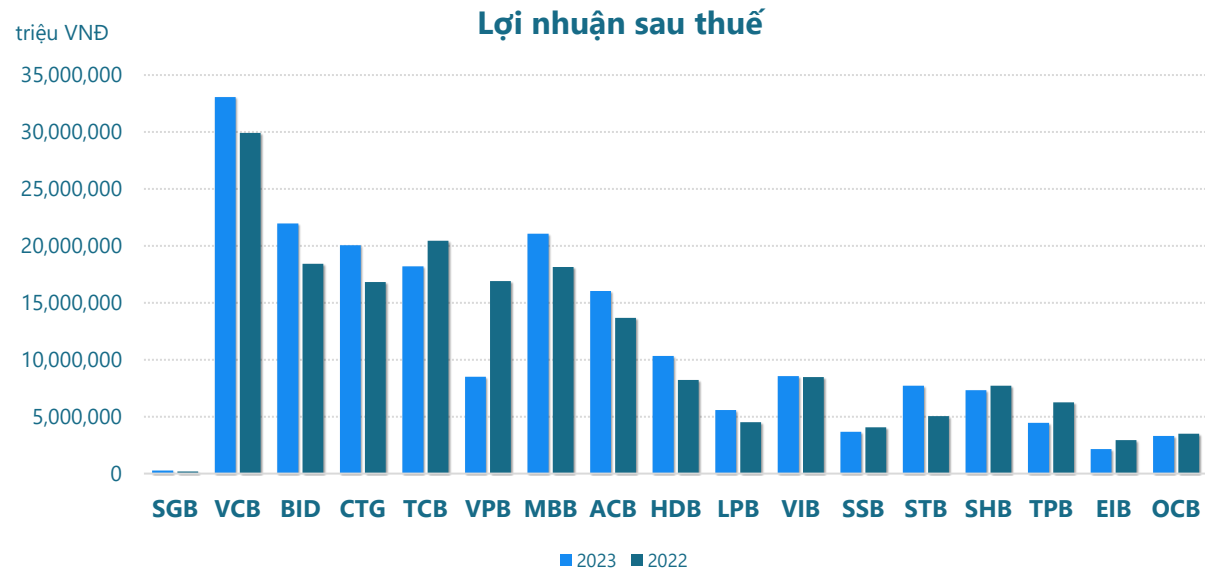
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương

KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Thu nhập lãi thuần	590,669	589,171	875,318	891,944
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	37,571	27,761	38,205	39,004
Lãi thuần từ KD ngoại hối	31,571	39,981	47,797	33,611
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	-40.0	0	0	0
Lãi thuần từ HĐ khác	87,577	119,300	90,647	199,837
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	1,408	106,916	3,488	7,191
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	748,756	883,129	1,055,455	1,171,587
Chi phí hoạt động	468,663	573,544	568,001	570,437
LN trước dự phòng	280,093	309,585	487,454	601,150
Chi phí dự phòng	158,968	155,472	250,448	268,905
LN trước thuế	121,125	154,113	237,006	332,245
Thuế	24,079	31,427	47,017	65,456
LN sau thuế	97,046	122,686	189,989	266,789
LN ròng	97,046	122,686	189,989	266,789

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ #REF!	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	655,308	-283,994	-450,349	2,477,067
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13,857	41,970	-40,371	-7,327
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	5,429,190	6,070,641	5,828,617	5,337,897
Lưu chuyển tiền thuần	641,451	-242,024	-490,720	2,469,740
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6,070,641	5,828,617	5,337,897	7,807,637

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	23,942,788	24,608,953	27,698,047	31,500,625
Tiền và TĐ tiền	170,837	205,194	243,204	163,234
Tiền gửi tại NHNN	560,297	530,440	885,640	3,759,537
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	5,739,507	5,612,983	5,059,053	4,294,866
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0
Các CCPS và các TS TC khác	6,585	27,344	1,059	0
Cho vay khách hàng	15,330,785	16,340,179	18,527,944	19,788,825
Chứng khoán đầu tư	522,403	330,463	1,285,773	1,227,562
Góp vốn đầu tư dài hạn	98,724	25,698	25,069	24,196
Tài sản cố định	1,153,894	1,161,779	1,146,379	1,098,586
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản có khác	359,756	374,873	523,926	1,143,819
Tổng nợ	20,321,479	20,899,928	23,799,033	27,431,513
Các khoản nợ CP và NHNN	0	0	0	0
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1,653,979	2,343,031	2,822,315	3,050,936
Tiền gửi khách hàng	18,223,634	18,105,487	20,499,407	23,556,779
Các CCPS và nợ TC khác	0	0	0	0
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	0	0	0	0
Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0	0
Các khoản nợ khác	443,866	451,410	477,311	823,798
Vốn chủ sở hữu	3,621,309	3,709,025	3,899,014	4,069,112
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	0	0

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương



Trong các mã chứng khoán trên, **VCB** có lợi nhuận sau thuế năm 2023 lớn nhất đạt **33,054,448** tỷ đồng (**tăng trưởng 10.5%**). **SGB** có lợi nhuận sau thuế thấp nhất chỉ đạt **266,789** tỷ đồng (**tăng trưởng 40.4%**).

Với Tỷ suất sinh lợi của Tài sản Có sinh lãi (**YOEAs**), **HDB** đạt mức tỷ suất lớn nhất là **11.6%**, **VCB** đạt mức tỷ suất thấp nhất là **6.16%**. Còn **SGB** đạt mức tỷ suất là **9.23%**, xếp **thứ 4** trong các mã trên.

Tỷ lệ nợ xấu của **VPB** là cao nhất ở mức **5.14%**, ở mức thấp nhất là mã **VCB** bằng **1.00%**. Còn **SGB** có tỷ lệ nợ xấu bằng **2.04%**, xếp thứ 4 trong nhóm mã trên.